

Bản án số: **88/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 21 - 12 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 214/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Phước V, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Tấn B, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 928, Khu phố 1, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phước V trình bày:

Bà V và ông Trần Tấn B là vợ chồng, chung sống với nhau năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã (nay là thành phố) M, tỉnh Bình Dương và được Ủy ban nhân dân phường H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 119, ngày 11/12/2010.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau khi có con thì bà V, ông B bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Từ năm 2013, bà V, ông B sống ly thân

nhau cho đến nay. Bà V nhận thấy không còn tình cảm với ông B, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà V, ông B có 01 con chung là Trần Tấn T, sinh ngày 24/01/2011, hiện đang sống chung với ông B. Sau khi ly hôn, bà V yêu cầu ông B trực tiếp nuôi cháu Tài, bà V không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà V giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *Giấy CMND, sổ hộ khẩu của bà V (bản photo chứng thực); Trích lục kết hôn số 243 ngày 16/4/2019 của UBND phường H cấp cho bà V, ông B (bản sao); Trích lục khai sinh số 111 ngày 13/02/2019 của UBND phường H cấp cho Trần Tấn T (bản sao); Đơn từ chối hòa giải tại Trung tâm hòa giải Tòa án ngày 12/4/2021 của bà V; Bản tự khai đề ngày 21/9/2021 của bà V (bản chính); Đơn từ chối hòa giải và xin giải quyết vắng mặt đề ngày 22/9/2021 của bà V (bản chính).*

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, bị đơn ông Trần Tấn B trình bày:

Ông B đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý và hòa giải đối với vụ án ly hôn của bà Huỳnh Thị Phước V nhưng do dịch bệnh Covid-19, ông B làm công nhân phải thực hiện 3 tại chỗ nên không về tham gia phiên họp được.

Bản tự khai ngày 21/6/2021 ghi tên ông Trần Tấn B là do ba ông B nhờ người ta đánh máy nộp cho Tòa án chứ không phải lời khai của ông B.

Ông B và bà V kết hôn vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố M. Sau khi kết hôn, ông B và bà V sống chung nhà với cha mẹ ông B, sau đó dọn ra nhà trọ để sinh sống. Cả hai đều làm công nhân. Quá trình chung sống vợ chồng đôi khi cũng có mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Vào khoảng năm 2015, bà V hứa với ông B về nhà sớm nhưng không về mà hẹn đi chơi với người đàn ông khác nên ông B bức tức đánh bà V 01 bạt tay. Sau khi bị ông B đánh, bà V dọn đồ bỏ nhà đi chung sống với người đàn ông khác hiện nay có con với người ta. Khi có con với người ta, bà V có đăng hình trên Zalo và nhờ ông B ký tên vào giấy khai sanh nhưng ông B không đồng ý. Hiện nay, ông B xác định không còn tình cảm với bà V nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông B đồng ý nuôi con chung Trần Tấn T, sinh ngày 24/01/2011 vì từ khi bà V bỏ đi, con chung sinh sống với ông B, bà V không có trách nhiệm với con chung, không đủ tư cách nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông B yêu cầu bà V cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông B giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *Thẻ Căn cước công dân của ông B (bản photo); Đơn đề nghị vắng mặt ngày 01/11/2021 của ông B.*

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phước V và bị đơn ông Trần Tấn B vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Bà V, ông B là vợ chồng hợp pháp, mâu thuẫn tình cảm giữa bà V, ông B là trầm trọng, không thể hàn gắn, hiện tại cả hai không còn tình cảm với nhau và sống ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay. Bà V yêu cầu được ly hôn, ông B đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V.

+ Về con chung: Bà V, ông B có 01 con chung là Trần Tấn T, sinh ngày 21/01/2011, hiện cháu T đang sống chung với ông B. Bà V đồng ý giao cháu T cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, ông B đồng ý. Do tình hình dịch bệnh nên ông B không thể dẫn cháu T đến Tòa án để trình bày ý kiến. Nhận thấy: Cháu T đang sống ổn định cùng với ông B nên đề nghị giao cháu T cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng và đề nghị chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng của ông B.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Về hôn nhân: Bà V, ông B là vợ chồng, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận. Bà V nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông B do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Ông B

thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, bà V đã bỏ nhà đi chung sống với người đàn ông khác và đồng ý ly hôn. Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của các đương sự, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà V, ông B là có thật, cả hai đã sống ly thân nhau từ năm 2013 đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nên tảng một gia đình hạnh phúc không có. Xét thấy, hôn nhân của bà V, ông B mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà V, ông B có 01 con chung là Trần Tấn T, sinh ngày 24/01/2011, hiện đang sống chung với ông B. Sau khi ly hôn, bà V yêu cầu ông B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tài. Xét thấy, yêu cầu của bà V được ông B đồng ý nên Tòa chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung, ông B yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Bà V không trực tiếp nuôi cháu Tài, do đó Tòa buộc bà V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Tài. Mức cấp dưỡng ông B yêu cầu phù hợp khả năng kinh tế của những người hành nghề lao động phổ thông, công nhân hiện nay nên Tòa chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng của ông B.

Về tài sản chung, nợ chung: bà V, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn: Bà V phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu về ly hôn, nuôi con chung, không chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung của bà Huỳnh Thị Phước V đối với bị đơn ông Trần Tấn B.

- Về hôn nhân: Bà V được ly hôn ông B.

- Về con chung: Giao con chung Trần Tấn T, sinh ngày 24/01/2011 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc bà V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trần Tấn T mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ đầu tháng 01/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà V. Bà V không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của ông B. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày ông B có đơn yêu cầu thi hành án về việc cấp dưỡng nuôi con, nếu bà V chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tòa không giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà V nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0051491, ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà V, ông B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. TDM;
- Đương sự;
- UBND P. H, TP.M;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình